

Thời gian : 13h00 - 02/10/2011

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ	
					10%	0%	15%	0%	0%	20%	0%	55%			
1	122230544	NGUYỄN NHẬT	BÁCH	K13KTR1	4		4			7		6	5.7	Năm phẩy Bảy	
2	122230599	PHAN CÔNG	LONG	K13KTR1	5		5.5			6		4.5	5.0	Năm	
3	132234879	LÊ TRƯỜNG	DUY	K13KTR1	8		4			6.5		7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
4	132234891	PHẠM VĂN	QUỐC	K13KTR1	8		7			6.5		6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
5	132234894	NGUYỄN VĂN TIẾN	SỸ	K13KTR1	6		5.5			6		5.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
6	132234932	NGUYỄN MINH	TUẤN	K13KTR1	8		5.5			4		6	5.7	Năm phẩy Bảy	
7	111260527	NGUYỄN THANH	H?A	K13KTR2	0		0			0		HP	0.0	Không	NỢ HP+LP
8	112230599	ĐẶNG HỒNG	QUANG	K13KTR2	2		4.5			3		5.5	4.5	Bốn phẩy Năm	
9	122230536	V? CÔNG	ĐỊNH	K13KTR2	2		5			4		5	4.5	Bốn phẩy Năm	
10	122230538	PHÙNG TUẤN	AN	K13KTR2	0		0			0		HP	0.0	Không	NỢ HP+LP
11	122230581	NGUYỄN HẢI	HƯNG	K13KTR2	8		7			7		6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
12	122230606	PHẠM MINH	MẮN	K13KTR2	6		4.5			6.5		2	0.0	Không	
13	122230629	NGUYỄN VĂN	QUÂN	K13KTR2	6		4			4		6.5	5.6	Năm phẩy Sáu	
14	132234802	ĐỖ THÀNH KHẢ	ÂN	K13KTR2	9		6.5			7		8.5	8.0	Tám	
15	132234806	NGUYỄN THẾ	ANH	K13KTR2	6		6			6		6	6.0	Sáu	
16	132234809	VŨ DUY	BẢO	K13KTR2	8		5.5			6.5		4	5.1	Năm phẩy Một	
17	132234816	ĐỖ TRÍ	ĐẠI	K13KTR2	5		5.5			7		4	4.9	Bốn phẩy Chín	38599
18	132234825	NGUYỄN THANH	DŨNG	K13KTR2	4		5.5			6		6	5.7	Năm phẩy Bảy	
19	132234828	PHẠM HẢI	DƯƠNG	K13KTR2	7		7.5			7.5		6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
20	132234838	NGUYỄN LONG	HẢI	K13KTR2	4		6			6.5		4	4.8	Bốn phẩy Tám	
21	132234843	NGUYỄN THANH	HIỀN	K13KTR2	8		4.5			6		6.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
22	132234857	NGUYỄN MINH	KHÔI	K13KTR2	8		6			6		4.5	5.4	Năm phẩy Bốn	
23	132234870	NGUYỄN PHƯỚC	LONG	K13KTR2	7		6			7.5		5.5	6.1	Sáu phẩy Một	
24	132234874	V? XUÂN	MINH	K13KTR2	9		5.5			8		7	7.2	Bảy phẩy Hai	
25	132234885	BÙI VĂN	HIẾU	K13KTR2	8		6.5			6.5		6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
26	132234886	LÊ CÔNG	HUÂN	K13KTR2	5		6.5			6.5		6	6.1	Sáu phẩy Một	
27	132234889	LÊ THANH	QUANG	K13KTR2	6		6.5			7.5		4	5.3	Năm phẩy Ba	
28	132234892	PHẠM CÔNG	QUỲNH	K13KTR2	8		6			7.5		5	6.0	Sáu	
29	132234895	LÊ CÔNG	TÂM	K13KTR2	8		8			8		7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
30	132234904	NGUYỄN QUANG	THANH	K13KTR2	7		5.5			6		4	4.9	Bốn phẩy Chín	
31	132234910	TRẦN ĐỨC	THIỆP	K13KTR2	8		4.5			7		4.5	5.4	Năm phẩy Bốn	
32	132234919	VŨ VĂN	TIẾN	K13KTR2	8		7.5			6.5		2	0.0	Không	
33	132234920	PHẠM THANH	VIỆT	K13KTR2	8		6			6.5		6	6.3	Sáu phẩy Ba	
34	132234924	NGÔ VĂN	TRUNG	K13KTR2	6		6.5			6		5	5.5	Năm phẩy Năm	
35	132234940	LÊ VĂN	VIỆT	K13KTR2	8		5.5			7		7.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
36	111260565	NGUYỄN VĂN	LƯƠNG	K13KTR3	0		0			0		V	0.0	Không	NỢ LP

Thời gian : 13h00 - 02/10/2011

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ	
				10%	0%	15%	0%	0%	20%	0%	55%			
37	111260686	NGUYỄN Đ?NH ĐỨC	K13KTR3	0		0			0		HP	0.0	Không	NỢ HP+LP
38	112230658	ĐÀO VŨ NGỌC TÚ	K13KTR3	5		2.5			6.5		4	4.4	Bốn phẩy Bốn	
39	122230550	NGUYỄN TÚ CƯỜNG	K13KTR3	8		7			9		4	5.9	Năm phẩy Chín	
40	122230576	NGUYỄN ĐẮC HIẾU	K13KTR3	8		7			7.5		4	5.6	Năm phẩy Sáu	NỢ LP
41	122230649	NGUYỄN BÁ THẠCH	K13KTR3	0		0			0		HP	0.0	Không	NỢ HP+LP
42	132234833	ĐỖ THỊ HÀ	K13KTR3	8		7.5			8.5		6	6.9	Sáu phẩy Chín	
43	132234939	DƯƠNG THẾ VĂN	K13KTR3	8		6.5			7.5		2.5	0.0	Không	
44	132234944	TRƯƠNG QUANG ANH	K13KTR3	8		3			5.5		3	0.0	Không	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	35	80%	
2	Số sinh viên nợ	9	20%	
TỔNG CỘNG :		44	100%	

Đà Nẵng, 10/10/2011

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

L?NH ĐẠO KHOA
(K? và ghi r? họ tên)

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(K? và ghi r? họ tên)

V? QU ỐC TOÀN

TRẦN THỊ LAN ANH

VŨ HỮU THẠNH

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ